

BƯỚC ĐẦU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ MỘT SỐ VIDEO CLIP TRONG GIẢNG DẠY PHẪU THUẬT THỰC HÀNH

Trịnh Hoàng Quân; Trịnh Cao Minh**

TÓM TẮT

Qua khảo sát trên 346 sinh viên (SV) đại học đang học tại Bộ môn Phẫu thuật thực hành (PTTH) bằng việc cho học viên xem trước video phẫu thuật cho thấy:

- Việc cho SV tự xem video PTTH trước khi xem mô mẫu và tự mổ thực hành đã kích thích tính chủ động học tập của SV, đem lại hiệu quả cao trong quá trình nhận thức và học PTTH của SV.

- Video PTTH không thay thế hoàn toàn việc mổ mẫu của giáo viên theo quy trình hiện hành, chỉ có giá trị bổ trợ cho quá trình nhận thức và lưu giữ hình ảnh của SV trong học môn PTTH.

* Từ khoá: Phẫu thuật thực hành; Video clip phẫu thuật thực hành; Hiệu quả.

EVALUATING EFFICACY OF PRACTICAL SURGERY VIDEO CLIPS IN THE TEACHING OF PRACTICAL SURGERY

SUMMARY

Investigating 346 students, who were studying in the Practical Surgery Department by letting them watch surgical videos in advance, showed that:

- Watching practical surgery operation videos before watching real model operation and self-practice could stimulate students' active learning and provide high efficiency in the awareness and practice learning of students.

- Practical surgery videos could not completely replace the real model operation of teachers in the current process, nevertheless, it is only valid for supporting cognitive process and store images.

** Key words: Practical surgery; Practical surgery video clips; Efficacy.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, xu thế dạy học hiện đại kết hợp ứng dụng các thành tựu của khoa học đang diễn ra phổ biến ở các cấp học, ngành học ở Việt Nam cũng như một số quốc gia tiên tiến trên thế giới. Kỹ thuật video - hình ảnh có giá trị thiết thực không chỉ trong học tập và trong đời sống con người do khả năng phổ cập rộng rãi, sinh động và dễ thực hiện.

Phẫu thuật thực hành là môn y học cơ sở sử dụng phương pháp giảng dạy kết hợp giữa lý thuyết với thực hành, đòi hỏi người học phải kết hợp giữa trực quan sinh động (nhận thức cảm tính) với tư duy trừu tượng (nhận thức lý tính), từ đó hình thành kiến thức để có thể vận dụng trong thực tiễn.

* Học viện Quân y

**Phản biện khoa học: GS. TS. Hoàng Văn Lương
PGS. TS. Vũ Huy Hùng**

Hiện nay, việc giảng dạy môn PTTH đang sử dụng là học sinh quan sát một lần duy nhất và sau đó thực hành. Quá trình quan sát diễn ra nhanh do thời gian hạn chế và nhiều khi bị che khuất do số lượng đông, hình ảnh lướt qua rất nhanh và có khi khuyết hỏng dẫn đến ảnh hưởng tới quá trình tư duy, thậm chí có thể bị sai lệch với mục tiêu giảng dạy. Mặt khác, do thời gian và một số yếu tố khác, hệ thống kiến thức được trang bị trong quá trình học có thể bị mai một nếu chỉ được lưu giữ thuần túy bằng trí nhớ.

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu xây dựng một số video clip PTTH với mục tiêu: *Đánh giá hiệu quả của một số video clip trong giảng dạy phẫu thuật tại Bộ môn PTTH, Học viện Quân y.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu.

346 SV (4 lớp) năm thứ 2 Học viện Quân y, đang học tại Bộ môn PTTH. Chia SV thành 2 nhóm:

Nhóm 1: 79 SV, chọn ngẫu nhiên của 4 lớp (mỗi lớp chọn 1 lớp thực tập, cách phân chia lớp theo sự phân chia của Hệ Đại học) được cung cấp video PTTH, trong đó, 5 phẫu thuật ghi hình có thuyết minh bằng lời cùng với phiếu điều tra, không được xem mô mẫu trực tiếp 5 phẫu thuật theo quy trình giảng dạy thông thường.

Nhóm 2: 267 SV được xem giáo viên mô mẫu phẫu thuật, khi tự mổ thực hành sẽ làm theo nội dung do giáo viên làm khi mô mẫu. Do tò mò, nhóm này sẽ tự phát xem video được phát cho nhóm 1. Khi tự mổ thực hành, SV sẽ làm theo tất cả những gì thu nhận được khi xem giáo viên mô mẫu và trên video.

2. Phương pháp nghiên cứu.

Tiến hành 5 phẫu thuật cơ bản đã giảng dạy trên lý thuyết theo chương trình môn PTTH dành cho đối tượng đại học, được Học viện phê duyệt và sử dụng nhiều năm nay, bao gồm:

- Phẫu thuật cắt bỏ ruột thừa.

- Phẫu thuật mở dẫn lưu bàng quang trên xương mu.

- Kỹ thuật mở và đóng đường trắng giữa trên rốn.

- Kỹ thuật cắt đoạn ruột.

- Phẫu thuật mở khí quản cao.

Các phẫu thuật trên có thuyết minh bằng lời cho từng thao tác kỹ thuật, từ quá trình chuẩn bị mổ cho tới kết thúc phẫu thuật. Sau đó, in ra các đĩa VCD, phát cho từng SV sau khi đã giảng lý thuyết.

Tất cả SV của 4 lớp đều được phát phiếu điều tra, gồm 3 phần: thông tin cá nhân về tần suất sử dụng thiết bị công nghệ thông tin (máy vi tính, internet); ý kiến của SV về video PTTH; nội dung và kết quả thi thực hành. Sau khi thi thực hành, thu phiếu điều tra, điền điểm thực hành và xử lý thống kê.

3. Nội dung đánh giá.

Sử dụng phương pháp mô tả có so sánh để đánh giá theo các nội dung:

- Đánh giá tần suất sử dụng phương tiện tin học.

- Đánh giá chất lượng video PTTH.

- Đánh giá tính cần thiết và thân thiện của video trong giảng dạy PTTH.

- Đánh giá hiệu quả của video PTTH trong quá trình nhận thức của học viên.

Dựa vào ý kiến của SV về giá trị minh họa của video PTTH, hiệu quả khi SV tự mổ thực hành ở nhóm 1 và 2, so sánh SV ở nhóm 2 giữa xem phẫu thuật trên video và xem phẫu thuật do giáo viên mổ.

Theo chương trình hiện đang được áp dụng tại Bộ môn, SV được xem mô mẫu trên động vật 1 buổi và tự mổ thực hành trên động vật 2 buổi, có sự hướng dẫn của kỹ thuật viên và giáo viên. Sau 2 buổi thực hành, SV sẽ thi thực hành mổ trên động vật. So sánh kết quả điểm thi thực hành của 2 nhóm. Điểm thi thực hành được chấm theo thang điểm 10, phiếu thi thực hành này được hội đồng giảng viên của Bộ môn thông qua và áp dụng từ nhiều năm nay.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Đánh giá tần suất sử dụng phương tiện tin học của SV.

* Tần suất sử dụng máy vi tính trong SV:

Thường xuyên: 248 SV (71,68%); đôi khi: 98 SV (28,32%); không dùng: 0 SV (0%), cho thấy tỷ lệ sử dụng máy vi tính trong SV Học viện Quân y tương đối cao và không có sự khác biệt giữa 2 nhóm nội trú và ngoại trú. Điều đó mở ra điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ video vào giảng dạy và nghiên cứu ở đối tượng này.

2. Đánh giá tính cần thiết và thân thiện của video.

* Số lần xem video PTTH:

1 lần: 47 SV (13,58%); 2 lần: 235 SV (67,92%); ≥ 3 lần: 64 SV (18,50%), cho thấy sức hấp dẫn của trực quan sinh động, cụ thể là đĩa video PTTH. 100% SV trong cả 4 lớp được thăm dò đều xem phim, kể cả toàn bộ nhóm 2. Bằng cách này hay cách khác, được phát đĩa hay không, tất cả SV đều cố gắng xem video PTTH. Điều đó chỉ ra rằng nhu cầu học chủ động của SV không phải không có, nhưng do nội dung kiến thức đưa đến cho SV chưa thực sự hợp lý, chưa thực sự cuốn hút. Việc sử dụng đĩa video PTTH được coi như một phương tiện dạy và học không thể thiếu trong quá trình học tại Bộ môn PTTH.

3. Đánh giá chất lượng của video PTTH.

* Đánh giá chất lượng video PTTH:

Tốt: 164 SV (47,40%); trung bình: 182 SV (52,60%); kém: 0 SV (0%).

Theo đánh giá chủ quan của SV, chất lượng hình ảnh của video PTTH còn ở mức độ trung bình. Do đĩa của Bộ môn tự làm nên chưa đạt tiêu chuẩn, các thiết bị ghi hình, phần mềm chưa đủ mạnh, kinh nghiệm chưa nhiều. Tuy nhiên, đây là bước đầu thử nghiệm, không tránh khỏi những hạn chế do thiếu kinh nghiệm. Để có hình ảnh và âm thanh tốt nhất cho SV học tập, cần có sự trợ giúp của các cơ quan chuyên môn.

4. Đánh giá hiệu quả của video PTTH trong quá trình nhận thức.

Bảng 1: Giá trị minh họa cho lý thuyết của video PTTH.

Giá trị cao	51	64,56	221	82,77	
Trung bình	28	35,44	46	17,23	
Không giá trị	0	0	0	0	
Cộng	79	100%	267	100%	$p < 0,01$

Ở cả 2 nhóm, SV đều đánh giá video PTTH có giá trị minh họa cho lý thuyết và tập trung ở mức giá trị cao. Tuy nhiên, có sự khác nhau giữa 2 nhóm, nhóm 2 là nhóm không được phát đĩa video PTTH, nhưng chủ động xem. Nhóm này còn được xem giáo viên mẫu những nội dung như đã xem trong video. Như vậy, quá trình trực quan sinh động được lặp lại 2 lần, điều đó giải thích tại sao SV nhóm 2 đánh giá cao giá trị của video PTTH. Trong khi đó ở nhóm 1, tỷ lệ SV đánh giá cao giá trị của video thấp hơn so với nhóm 2.

Điều này có thể giải thích: một là chất lượng của đĩa như đã nêu ở phần trên chưa thực sự tốt, mới chỉ ở mức độ trung bình, chưa đáp ứng được yêu cầu nghe nhìn của SV. Hai là, việc xem giáo viên mẫu thực sự có tính hấp dẫn cao vì SV nhìn được toàn cảnh cuộc mổ và có sự giao lưu kiến thức giữa giáo viên và học sinh. Bên cạnh đó, có những tình huống sinh động xảy ra trong cuộc mổ mà giáo viên xử lý không có trong video, khi SV nhóm 1 được xem giáo viên mổ những phẫu thuật khác ngoài 5 phẫu thuật có trong video, họ sẽ đánh giá cao việc được xem mổ trực tiếp tốt hơn chỉ xem đơn thuần trên video.

Bảng 2: Hiệu quả khi áp dụng vào thực hành của video.

Hiệu quả	37	46,84	214	80,15	
Trung bình	42	53,16	53	19,85	
Không hiệu quả	0	0	0	0	
Cộng	79	100%	267	100%	$p < 0,01$

Ý kiến của SV về hiệu quả của video khi tự mổ thực hành thấy khác biệt có ý nghĩa thống kê. SV ở nhóm 2 vừa được xem giáo viên mổ mẫu, vừa được xem video, họ sẽ hiểu hơn, phần nhận thức trực quan sinh động của nhóm này sẽ cụ thể hơn, chi tiết hơn, sống động hơn. Khi tự mổ thực hành, các SV ở nhóm này sẽ tự tin hơn và áp dụng cả phần trực quan sinh động và tư duy trừu tượng vào thực tiễn sẽ hiệu quả hơn. Tất nhiên, số SV ở nhóm 1 chỉ được xem các phẫu thuật trên video mà không được xem mổ trực tiếp sẽ khó tiếp cận với thực tế hơn, dù cho nhóm này có xem nhiều lần. Nhiều tình huống thực tế xảy ra trong khi xem mổ trực tiếp, khi giáo viên xử trí giúp SV nhận thức sâu hơn.

Một vấn đề nữa cần quan tâm khi chỉ xem video PTTH: để nhìn rõ chi tiết thao tác phẫu thuật là cần quay cận cảnh, điều này làm cho SV khi xem không thấy được toàn cảnh cuộc mổ, từ đó, không thấy được sự phối hợp hiệp đồng nhịp nhàng giữa các thành viên trong ekip mổ mẫu mà chỉ biết được thao tác của phẫu thuật viên chính. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới việc phối hợp trong khi tự mổ thực hành và thi thực hành.

Bảng 3: So sánh kết quả thi thực hành giữa các nhóm.

Đ					
Giỏi	5	6,33	18	6,74	
Khá	23	29,11	157	58,80	
Trung bình	51	64,56	92	34,46	
Cộng	79	100%	267	100%	$p < 0,01$

Khi thi thực hành, SV bốc thăm phiếu thi vào các bàn thi ngẫu nhiên, giáo viên chấm thi không biết SV đang thi thuộc nhóm nghiên cứu nào. Như vậy, cho dù kết quả thi phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan khác nhau như tâm lý thi, loại phẫu thuật khó hay dễ, sự hiệp đồng của SV khác trong ekip thi... kết quả thi cũng tương đối khách quan, không ảnh hưởng nhiều tới kết quả nghiên cứu.

Kết quả khảo sát thu được cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm 1 và nhóm 2 trên hai mức điểm khá và trung bình. Tỷ lệ điểm khá ở nhóm 2 cao hơn và cao hơn tỷ lệ điểm khá ở nhóm 1. Trong khi đó, ở nhóm 1, tỷ lệ điểm trung bình chiếm đa số. Đánh giá chung, kết quả thi thực hành của nhóm 2 cao hơn nhóm 1, phù hợp với đánh giá và bàn luận ở phần trên. Khi SV được xem video PTTH trước, sau đó xem giáo viên mổ mẫu trên thực tế thì hiệu quả khi tự mổ thực hành và kết quả thi thực hành sẽ tốt hơn. Như vậy, nhờ sự hỗ trợ của phương tiện trực quan video PTTH mang lại hiệu quả cao trong hoạt động dạy và học môn PTTH.

KẾT LUẬN

Qua khảo sát trên 346 SV đại học đang học tại Bộ môn PTTH cho thấy:

- Nhu cầu sử dụng video PTTH là cần thiết đối với SV đang học tại Bộ môn PTTH.

- Việc cho SV tự xem video PTTH trước khi xem mổ mẫu và tự mổ thực hành kích thích tính chủ động học tập của SV và đem lại hiệu quả cao trong quá trình nhận thức và học PTTH của SV.

- Video PTTH không thể thay thế hoàn toàn việc mổ mẫu của giáo viên theo quy trình hiện hành, mà chỉ có giá trị bổ trợ cho quá trình nhận thức và lưu giữ hình ảnh.

Qua khảo sát này chúng tôi cũng có những kiến nghị sau:

- Việc sử dụng video PTTT nên được đưa vào chương trình học thường xuyên cho mọi đối tượng đang học tại Bộ môn.

- Cần xây dựng hệ thống video PTTT đầy đủ, chất lượng với sự tham gia của kỹ thuật viên chuyên nghiệp về công nghệ video với kinh phí thích đáng để có những video đảm bảo chất lượng cho SV học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Công Chiêm, Nguyễn Đức Vũ, Trần Thị Tú Anh. Một số vấn đề về dạy học trong giáo dục đại học hiện nay. NXB Giáo dục. Hà Nội. 2002.

2. Đỗ Tất Cường. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ truyền hình trong dạy và học y học lâm sàng. Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở. Học viện Quân y. 2007.

3. Nguyễn Mạnh Cường. Báo cáo thiết kế phần mềm hỗ trợ sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. 2007.

4. Nguyễn Mạnh Cường. Đổi mới phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của máy tính. Hội thảo đổi mới giảng dạy ngữ văn ở trường đại học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. 2003.

5. Phạm Văn Danh. Ứng dụng ICT để nâng cao hiệu quả dạy học và đổi mới phương thức đào tạo các bậc học. Hội thảo Đánh giá năng lực ICT trong dạy học của đội ngũ giáo viên các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM. 2009.

6. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc. Lý luận dạy học. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. 2004.

7. Hoàng Kiếm. Một số đề nghị đổi mới phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Báo cáo khoa học Đại học Quốc gia TP. HCM. 2002.